

Số: 154/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định về chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh đến năm 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khoá XV số 227/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 849/TTr-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1208/BC-VHXH ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân liên quan đến công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung, mức hỗ trợ chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy

Nội dung, mức hỗ trợ chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 01 năm 2026 và hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2031.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025 và Nghị quyết số 95/2024/NQ-HĐND ngày 29/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 38 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ủy Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Y tế;
- Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp - Bộ Công an;
- Thường trực: Tỉnh uỷ; HĐND; UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ; HĐND; UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, NLinh (05b).

CHỦ TỊCH




Lò Minh Hùng



PHỤ LỤC

Chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 154/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của
HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ
I	Chính sách hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người phải xác định tình trạng nghiện ma túy		
1	Hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy		
1.1	Hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy		
-	Hỗ trợ chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường		
+	Người cai nghiện ma túy tự nguyện thuộc các đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ	01 người	Hỗ trợ thêm 05% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường
+	Người cai nghiện ma túy tự nguyện là các đối tượng khác ngoài đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 39, Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ	01 người	Hỗ trợ 95% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường
-	Tiền điện, nước sinh hoạt	01 người/tháng	Hỗ trợ 25% định mức của người cai nghiện ma túy bắt buộc quy định tại khoản 7, Điều 5, Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính
-	Tiền học văn hoá, học nghề (nếu bản thân người cai nghiện ma túy có nhu cầu; chỉ hỗ trợ lần đầu không hỗ trợ trường hợp tái nghiện)	01 người	Hỗ trợ 75% chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định tại Quyết định số 26/2017/QĐ-UBND ngày

			16/8/2017 của UBND tỉnh ban hành danh mục nghề và quy định mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Sơn La
1.2	Hỗ trợ mai táng phí: Gia đình có người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tử vong (<i>có thân nhân đến đưa thi thể về gia đình mai táng</i>) được hỗ trợ chi phí mai táng	đồng/ca tử vong	3.000.000
1.3	Người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy khi chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú thì được cơ sở cai nghiện ma túy cấp 01 (<i>một</i>) bộ quần áo theo mùa (<i>mùa hè hoặc mùa đông, nếu không có</i>). Mức tối đa để mua sắm:	đồng/ bộ quần áo mùa hè	240.000
		đồng/ bộ quần áo mùa đông	400.000
2	Hỗ trợ kinh phí cai nghiện ma túy cho người bị tạm giam, phạm nhân tại Trại tạm giam, nhà tạm giữ của Cơ quan Công an được hỗ trợ cắt cơn nghiện:	người/đợt điều trị	Bảng mức chi phí tiền thuốc cắt cơn cho người cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện
3	Hỗ trợ cho cá nhân thuộc diện cần phải xác định tình trạng nghiện trong những ngày đi trên đường để thực hiện xác định (<i>trường hợp theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1, Điều 27 Luật phòng, chống ma túy năm 2021</i>)		
-	Tiền ăn	đồng/người/ngày	70.000
-	Tiền thuê phòng ngủ (<i>nếu có</i>)	đồng/người/ngày	Thực hiện mức chi đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày

			17/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh
4	Hỗ trợ trong thời gian xác định tình trạng nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở y tế đối với trường hợp theo quy định tại các điểm a, b, c, d, khoản 1 Điều 27 Luật phòng, chống ma túy năm 2021		
-	Tiền ăn	người/ngày	bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành/tháng
-	Tiền điện, nước, vệ sinh	đồng/người/lần xác định tình trạng nghiện	30.000
-	Tiền trang cấp vật dụng cá nhân	đồng/người/lần xác định tình trạng nghiện	40.000
II	Chính sách triệt xoá cây có chứa chất ma túy		
1	Hỗ trợ cho tập thể, cá nhân có công phát hiện và tham gia triệt phá diện tích trồng, tái trồng cây có chứa chất ma túy		
1.1	Hỗ trợ kinh phí cho tập thể, cá nhân có công phát hiện diện tích (m ²) trồng, tái trồng cây có chứa chất ma túy		
-	Diện tích trồng dưới 20 m ²	đồng/trường hợp	1.000.000
-	Diện tích trồng từ 20 m ² đến 100 m ²	đồng/trường hợp	2.000.000
-	Diện tích trồng từ trên 100m ² đến 1.000 m ²	đồng/trường hợp	5.000.000
-	Diện tích trồng trên 1.000 m ²	đồng/trường hợp	10.000.000
1.2	Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, chiến sĩ và lực lượng tham gia triệt phá diện tích trồng, tái trồng cây có chứa chất ma túy	đồng/người/ngày	200.000
2	Chi hỗ trợ công tác thu gom, tiêu huỷ cây có chứa chất ma túy sau khi triệt phá		
2.1	Định mức nhiên liệu tiêu huỷ	lít dầu hoả/m ² (diện tích trồng cây có chứa chất ma túy đã triệt phá, được thu gom để tiêu huỷ)	0,17

2.2	Chi phí thu gom, tiêu huỷ cho lực lượng trực tiếp tham gia tiêu huỷ cây có chứa chất ma tuý sau triệt phá	đồng/người/buổi	100.000
III	<p>Chính sách tăng cường đấu tranh phòng, chống và kiểm soát tội phạm ma tuý: Hỗ trợ kinh phí cho lực lượng thực hiện các biện pháp đấu tranh chống tội phạm ma tuý (<i>lực lượng Công an, Bộ đội Biên phòng, Hải quan</i>) bắt giữ và khởi tố bị can theo tội danh quy định về tội phạm ma tuý tại các Điều 247, 248, 249, 250, 251, 252, 255, 256, 256a, 257, 258 Bộ Luật Hình sự số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH14, Luật số 86/2025/QH15.</p> <p>Lực lượng điều tra, bắt giữ được hưởng 80% nguồn kinh phí hỗ trợ; Cơ quan thụ lý điều tra vụ án (<i>cơ quan ra quyết định khởi tố bị can</i>) được hưởng 20% nguồn kinh phí hỗ trợ</p>		
<u>1</u>	Bắt giữ và khởi tố bị can (<i>ở các xã biên giới của tỉnh</i>)	đồng/bị can	7.000.000
<u>2</u>	Bắt giữ và khởi tố bị can ở các xã, phường còn lại	đồng/bị can	6.000.000
IV	Chính sách hỗ trợ cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức, người lao động tham gia công tác phòng, chống và kiểm soát ma tuý		
<u>1</u>	Hỗ trợ kinh phí cho thành viên tham gia phiên họp tại Toà án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đối với người nghiện ma tuý (<i>Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 và Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 08/2025/QH15</i>)		
-	Chủ tọa phiên họp	đồng/phiên họp xét	100.000
-	Đại diện Viện kiểm sát nhân dân	đồng/phiên họp xét	80.000

-	Đại diện cơ quan đề nghị	đồng/phiên họp xét	80.000
-	Đại diện UBND xã, phường	đồng/phiên họp xét	50.000
-	Thư ký	đồng/phiên họp xét	50.000
-	Các thành phần khác (<i>nếu có</i>)	đồng/phiên họp xét	50.000
2	Hỗ trợ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an, người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh		
2.1	Hỗ trợ trực 24/24 giờ đối với cán bộ, chiến sĩ, người lao động tại cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La (<i>tối đa không quá 70 người/phiên trực</i>)	đồng/người/phiên trực	90.000
2.2	Hỗ trợ đặc thù đối với cán bộ, chiến sĩ Công an, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Sơn La	đồng/người/tháng	1.000.000
2.3	Hỗ trợ tiền may trang phục đối với người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh	đồng/người/năm	500.000
3	Hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, chiến sĩ và lực lượng tham gia phòng, chống ma túy trong khi thi hành công vụ bị phơi nhiễm HIV do tai nạn, rủi ro nghề nghiệp	đồng/người/lượt phơi nhiễm	15.000.000
4	Hỗ trợ cán bộ cơ sở thực hiện hiệu quả công tác vận động, giáo dục, thuyết phục người mắc nghiện ma túy tự nhận và đăng ký hình thức chữa trị, cai nghiện ma túy (<i>không phải thực hiện quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy theo Thông tư số 18/2021/TT-BYT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn chẩn đoán và quy trình chuyên môn để xác định tình trạng nghiện ma túy</i>)	đồng/người tự nhận nghiện ma tuý	50.000
5	Khoản chi phí gián tiếp trên một người nghiện ma túy bị tạm giam, phạm nhân được điều trị cai nghiện (<i>để bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ tham gia trong quá trình chữa trị cai nghiện ma túy cho người</i>)	đồng/người/đợt điều trị	30.000

	<i>nghiện ma túy</i>) tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ của cơ quan Công an		
6	Hỗ trợ cán bộ xã, phường và tổ, bản trực tiếp tham gia đấu tranh phòng, chống ma túy. Mức hỗ trợ căn cứ theo đối tượng bị bắt giữ và khởi tố theo các tội danh quy định tại các Điều 247, 248, 249, 250, 251, 252, 255, 256, 256a, 257, 258 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH14, Luật số 86/2025/QH15 xảy ra trên địa bàn xã, phường (<i>trừ trường hợp đối với các đối tượng bị bắt trên đường tuần tra và mở rộng chuyên án ma túy của các cơ quan chức năng</i>)	đồng/đối tượng bị bắt giữ và khởi tố	1.500.000
7	Ngoài các mức hỗ trợ theo quy định của Nhà nước, cán bộ, chiến sĩ và lực lượng tham gia đấu tranh phòng, chống ma túy trong khi thi hành công vụ bị thương, hy sinh được hỗ trợ thêm	đồng/người (<i>thân nhân liệt sĩ</i>)	Bằng mức quy định tại Nghị định số 75/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 55/2023/NĐ-CP, Nghị định số 77/2024/NĐ-CP
8	Hỗ trợ công tác phí cho cán bộ, chiến sĩ phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy ở ngoại biên (<i>thời gian, kế hoạch công tác do UBND tỉnh quyết định</i>)	đồng/người/ngày	800.000
9	Chính sách hỗ trợ cho các cá nhân, đơn vị thực hiện Chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone		
9.1	Hỗ trợ cán bộ cơ sở thực hiện hiệu quả công tác vận động, giáo dục, thuyết phục người mắc nghiện ma túy tham gia điều trị Methadone	đồng/người tự nhận nghiện ma túy	50.000

9.2	Hỗ trợ tiền may trang phục đối với cán bộ, viên chức tại các cơ sở điều trị methadone trên địa bàn tỉnh (<i>may quần áo blu</i>)	đồng/người/năm	500.000
9.3	Hỗ trợ đối với cán bộ, viên chức, người làm việc tại các cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadon và các cơ sở cấp phát thuốc Methadone trên địa bàn tỉnh Sơn La	đồng/người/năm	1.000.000
9.4	Hỗ trợ các cơ sở có số bệnh nhân tham gia điều trị Methadone vượt mức chỉ tiêu cấp có thẩm quyền giao		
-	Đối với cơ sở điều trị	đồng/cơ sở/năm	10.000.000
-	Đối với cơ sở cấp phát thuốc	đồng/cơ sở/năm	5.000.000
<u>10</u>	Hỗ trợ công tác giám định chất ma túy trong các vụ án phạm tội về ma túy: ngoài các chế độ bồi dưỡng theo Quyết định số 08/2025/QĐ-TTg ngày 04/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ thêm	đồng/trung cầu giám định	300.000
<u>11</u>	Hỗ trợ đối với cán bộ, chiến sĩ lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy tỉnh khi phối hợp phát hiện, bắt giữ đối tượng phạm tội về ma túy ở ngoại biên (<i>có xác nhận của lực lượng chức năng Lào</i>)	đồng/đối tượng bị bắt giữ và xử lý	8.000.000
V	Chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy tại cơ sở		
<u>1</u>	Hỗ trợ kinh phí đối với xã, phường; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn không ma túy theo Quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền		
-	Đối với xã, phường	đồng/lần/xã, phường	10.000.000
-	Đối với bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố	đồng/lần/bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố	5.000.000
-	Đạt tiêu chuẩn không ma túy 03 năm liên tiếp được hỗ trợ theo mức trên; sau đó, cứ thêm 03 năm liên tiếp đạt tiêu chuẩn không ma túy thì lại được hỗ trợ theo mức trên		

2	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của nhóm liên gia tự quản cho các nội dung chi bao gồm mua sô, bút, văn phòng phẩm, chè, nước như sau:		
2.1	Nhóm liên gia tự quản dưới 15 hộ	đồng/nhóm/năm	300.000
2.2	Nhóm liên gia tự quản từ 15 hộ đến 30 hộ	đồng/nhóm/năm	400.000
2.3	Nhóm liên gia tự quản trên 30 hộ	đồng/nhóm/năm	500.000
3	Hỗ trợ cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 42 Nghị định 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ	đồng/người là thành viên Tổ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy cấp xã/năm	400.000
4	Chi hỗ trợ kinh phí cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao nhiệm vụ đưa cá nhân thuộc diện cần phải xác định tình trạng nghiện đi xác định tình trạng nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở y tế (trong thời gian thực hiện nhiệm vụ)	đồng/người/ngày	Thực hiện mức chi đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La
5	Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chi hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch UBND cấp xã (Người được giao thực hiện nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc	đồng/người/tháng	500.000

	<i>người bị quản lý sau cai nghiện được phân công quản lý tối đa 10 người và được hưởng thù lao hàng tháng theo định mức)</i>		
6	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống và kiểm soát ma túy bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố cho các nội dung chi bao gồm mua sổ, bút, văn phòng phẩm, chè, nước như sau:		
6.1	Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố không ma túy	đồng/Ban Chỉ đạo/năm	800.000
6.2	Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trọng điểm ma túy	đồng/Ban Chỉ đạo/năm	1.200.000

